TRƯỜNG TH&THCS THẮNG LỢI **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**
TỔ: TOÁN - KHTN **NĂM HỌC: 2024 - 2025**

I. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 MÔN TOÁN - LỚP 7

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
1	Số hữu tỉ. (19 tiết)	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.	2								5% 0,5đ
		Các phép tính với số hữu tỉ.				1				1	15% 1,5đ
2	Số thực (24 tiết)	Căn bậc hai số học									
		Số vô tỉ. Số thực	2								5% 0,5đ
		Tỉ lệ thức và dãy tỉ số bằng nhau	$4\frac{1}{2}$								15% 1,5đ
		Giải toán về đại lượng tỉ lệ						1			15% 1,5đ
3	Các hình khối trong thực tiễn (5 tiết)	Hình hộp chữ nhật và hình lập phương.									
		Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.				1					**10% 1,0đ**
4	Góc và đường thẳng song song (11 tiết)	Góc ở vị trí đặc biệt.	$1\frac{1}{4}$								5% 0,5đ
		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song	$1\frac{1}{4}$		1	$\frac{1}{2}$					20,0% 2,0đ
		Khái niệm định lí, chứng minh một định lí	2					$\frac{1}{2}$			10,0% 1,0đ
Tổng			**13**		1	$\mathbf{2\frac{1}{2}}$		$1\frac{1}{2}$		1	**10đ**
Tỉ lệ %			**40**		**30**		**20**		**10**		**100**
Tỉ lệ chung			**70%**				**30%**				**100**

II. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC HỌC KÌ I, MÔN TOÁN – LỚP 7

TT	Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
SỐ VÀ ĐẠI SỐ							
1	**Số hữu tỉ.** (19 tiết)	**Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.**	**Nhận biết:** – Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ. – Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ. – Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ. – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ. (C1; C2)	**2 TN**			
			Thông hiểu: – Biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số.				
			Vận dụng: – So sánh được hai số hữu tỉ.				
		Các phép tính với số hữu tỉ.	**Thông hiểu:** – Mô tả được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai luỹ thừa cùng cơ số, luỹ thừa của luỹ thừa). – Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ. (C 16)		1 TL		
			Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số hữu tỉ.				

			(ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, trong đo đạc,...).				
			Vận dụng cao: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số hữu tỉ. (C 19)				1 TL
	Số thực (24 tiết)	***Căn bậc hai số học (2Tiết)***	**Nhận biết:** – Nhận biết được khái niệm căn bậc hai số học của một số không âm.				
			Thông hiểu: – Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay.				
		Số vô tỉ. Số thực (2 tiết)	**Nhận biết:** – Nhận biết được số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn. – Nhận biết được số vô tỉ, số thực, tập hợp các số thực. – Nhận biết được trục số thực và biểu diễn được số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi. – Nhận biết được số đối của một số thực. – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số thực. – Nhận biết được giá trị tuyệt đối của một số thực. **(C3; C6)**	**2 TN**			
			Vận dụng: – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước. - Thực hiện được các phép tính trong tập số thực.				
		Tỉ lệ thức và dãy tỉ số bằng nhau	**Nhận biết:** – Nhận biết được tỉ lệ thức và các tính chất của tỉ lệ thức. – Nhận biết được dãy tỉ số bằng nhau. (C4;C5;C7;C8; C14a, b)	**$4\frac{1}{2}$ TN**			

			Vận dụng: – Vận dụng được tính chất của tỉ lệ thức trong giải toán. – Vận dụng được tính chất của dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán (ví dụ: chia một số thành các phần tỉ lệ với các số cho trước,...).(C15)			1 TL	
		Giải toán về đại lượng tỉ lệ	**Vận dụng:** – Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận (ví dụ: bài toán về tổng sản phẩm thu được và năng suất lao động,...). – Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ nghịch (ví dụ: bài toán về thời gian hoàn thành kế hoạch và năng suất lao động,...).				
HÌNH HỌC							
3	**Các hình khối trong thực tiễn**	***Hình hộp chữ nhật và hình lập phương***	***Nhận biết*** Mô tả được một số yếu tố cơ bản (đỉnh, canh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.				
			Thông hiểu – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương,...).				
		Lăng	***Nhận biết*** – Mô tả được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: haimặt đáy là song song; các mặt bên đều là hình chữ nhật, ...).				

		trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác	***Thông hiểu*** – Tạo lập được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác. – Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của một lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác,...). ***Vận dụng*** Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của một lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác. (C17)			**1 TL**	
4	**Các hình hình học cơ bản**	***Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc***	***Nhận biết :*** – Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh). – Nhận biết được tia phân giác của một góc. - Nhận biết được cách vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập(C10 ;C14d)	$1\frac{1}{4}$ TN			
		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song	***Nhận biết:*** – Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song. (C9; C14c)	$1\frac{1}{4}$ TN			
			Thông hiểu: – Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song. – Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le		**1 TN** $\frac{1}{2}$ TL		

			trong. (C13) ; C18a)				
		Khái niệm định lí, chứng minh một định lí	***Nhận biết:*** - Nhận biết được thế nào là một định lí. (C11, C12)	2 TN			
			Thông hiểu: - Hiểu được phần chứng minh của một định lí;				
			Vận dụng: - Chứng minh được một định lí; (C18b)			$\frac{1}{2}$ **TL**	

KonTum, ngày 12/12/2024

Duyệt tổ phó CM

Đào Thị Minh Tuyền

Giáo viên ra đề

Nguyễn Thị Liên Hồng

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Cung Thị Phương Lan

Duyệt của Hiệu trưởng

Giáo viên phản biện đề

Phan Duy Nguyên

TRƯỜNG TH&THCS THẮNG LỢI
TỔ: TOÁN – KHTN
Họ tên:.....
Lớp: .....

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2024 - 2025
Môn: Toán - Lớp: 7
Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

ĐỀ GỐC:

(Đề này có 14 câu trắc nghiệm, 5 câu tự luận)

I. TRẮC NGHIỆM.(5,0điểm)

Hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây(từ câu 1 đến câu 12): *(3,0 điểm).*

Câu 1: Số đối của 6 là:

A. 5. B. -6. C. 6. D. -5.

Câu 2: Số $\frac{2024}{-2025}$

A. là số hữu tỉ âm.

B. Vừa là số hữu tỉ dương vừa là số hữu tỉ âm

C. không là số hữu tỉ dương cũng không là số hữu tỉ âm

D. Không là số hữu tỉ.

Câu 3: Cho $|x|=10$ thì:

A. x= 10. B. x = -10. C. x = 0 hoặc x = 10. D. x =10 hoặc x = -10.

Câu 4: Từ đẳng thức a.d = b.c ta có thể suy ra:

A. $\frac{a}{d}=\frac{b}{c}$. B. $\frac{d}{c}=\frac{b}{a}$. C. $\frac{c}{a}=\frac{b}{d}$. D. $\frac{c}{d}=\frac{b}{a}$.

Câu 5: Từ tỉ lệ thức $\frac{a}{b}=\frac{c}{d}$ ta ***không*** thể suy ra tỉ lệ thức nào?

A. $\frac{d}{b}=\frac{c}{a}$. B. $\frac{a}{c}=\frac{b}{d}$. C. $\frac{c}{a}=\frac{d}{b}$. D. $\frac{c}{a}=\frac{b}{d}$.

Câu 6: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào ***đúng*** ?

A. Giá trị tuyệt đối của một số thực là một số dương

B. Giá trị tuyệt đối của một số thực là một số không âm.

C. Hai số đối nhau có giá trị tuyệt đối khác nhau.

D. Giá trị tuyệt đối của một số thực là số đối của nó.

Câu 7. Cách viết nào sau đây cho ta dãy tỉ số bằng nhau?

A. $\frac{a}{b}=\frac{c}{d}=\frac{e}{g}$ B. $\frac{a}{b}.\frac{c}{d}.\frac{e}{g}$ C. $\frac{a}{b}+\frac{c}{d}+\frac{e}{g}$ D. $\frac{a}{b}-\frac{c}{d}-\frac{e}{g}$

Câu 8. Chọn đáp án **sai**. Từ tỉ lệ thức $\frac{5}{9}=\frac{35}{63}$ ta có tỉ lệ thức sau:

A. $\frac{5}{35}=\frac{9}{63}$ B. $\frac{63}{9}=\frac{35}{5}$ C. $\frac{35}{9}=\frac{63}{5}$ D. $\frac{63}{35}=\frac{9}{5}$

Câu 9: Tiên đề Euclid được phát biểu: "Qua một điểm M nằm ngoài đường thẳng a ...".

A. Có duy nhất một đường thẳng đi qua M và song song với a.

B. Có hai đường thẳng song song với a.

C. Có ít nhất một đường thẳng song song với a.

D. Có vô số đường thẳng song song với a.

Câu 10: Cho hình 1, quan sát và chọn câu phát biểu đúng**:**

A. OA là tia phân giác của *BOC*

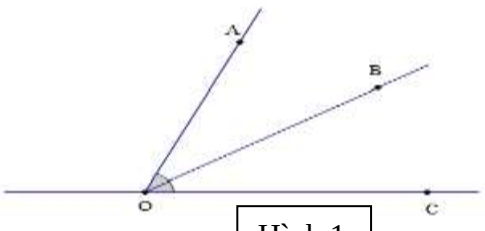

Hình 1

B. OB là tia phân giác của AOC

C. OC là tia phân giác của AOB

D. AOC là góc vuông.

Câu 11. Chứng minh định lí là

A. dùng hình vẽ để từ giả thiết suy ra kết luận.

B. dùng lập luận để từ giả thiết suy ra kết luận.

C. dùng hình vẽ và đo đạc thực tế để từ giả thiết suy ra kết luận.

D. dùng đo đạc thực tế để từ giả thiết suy ra kết luận.

Câu 12. Chọn câu ***đúng***

A. Giả thiết và kết luận của định lí là điều cho biết. **B.** Giả thiết của định lí là điều cho biết.

C. Kết luận của định lí là điều cho biết. **D.** Giả thiết của định lí là điều được suy ra.

Câu 13. ***(1,0 điểm)***.Cho hình 2. ***Hãy nối thông tin ở cột A với cột B sao cho phù hợp rồi điền kết quả vào cột C***

Cột A	Cột B	Cột C
1/ Góc A_1 và B_2 là hai góc	a/ đối đỉnh.	1…
2/ Góc A_1 và A_4 là hai góc	b/ hai góc kề bù.	2...
3/ Góc B_1 và A_2 là hai góc	c/ so le trong.	3...
4/ Góc B_3 và B_1 là hai góc	d/ đồng vị.	4...
	e/ góc đối nhau.	

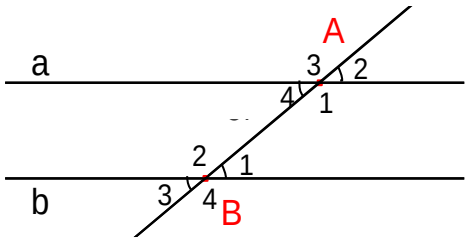

Hình 2

Câu 14.*(1,0 điểm)*. Chọn các cụm từ sau điền vào chỗ trống(...) để được khăng định đúng: (song song, nằm trong góc, tia đối, tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch)

a) Nếu đại lượng y liên hệ với đại lượng x theo công thức $y = \frac{a}{x}$ hay xy = a (với a là một hằng số khác 0) thì ta nói y .....(1)..... với x theo hệ số tỉ lệ a.

b)Nếu y tỉ lệ thuận với x theo hệ số tỉ lệ k thì x .....(2)..... với y theo hệ số tỉ lệ $\frac{1}{k}$. Ta nói x và y là hai đại lượng tỉ lệ thuận với nhau.

c) Nếu đường thẳng c cắt hai đường thẳng a,b và trong các góc tạo thành có một cặp góc đồng vị bằng nhau thì a, b .....(3)..... với nhau.

d)Tia phân giác của một góc là tia .....(4)..... và tạo với hai cạnh của góc đó hai góc bằng nhau.

II. TỰ LUẬN *(5,0 điểm)*.

Câu 15: (1,5 điểm).Ba lớp 7A; 7B, 7C đi trồng cây. Biết số cây ba lớp trồng được tỉ lệ với các số 3 : 4 : 5 và tổng số cây cả ba lớp trồng là 60 cây. Tính số cây trồng được của mỗi lớp.

Câu 16: (0,5 điểm). Thực hiện các phép tính sau $\frac{3}{8}+2^3-\frac{3}{8}$

Câu 17: *(1,0 điểm)* Một hộp quà có dạng hình lăng trụ đứng tam giác, đáy là tam giác vuôngvới kích thước của hai cạnh góc vuông là 10cm; 5cm. Chiều cao của hình lăng trụ đứng tam giác là 7cm. Em hãy tính thể tích của hộp quà

Câu 18: (1,0 điểm)

Cho hình vẽ bên.

a. giải thích tại sao $xx' // yy'$.

b. Tính số đo các góc AMN và MNB.

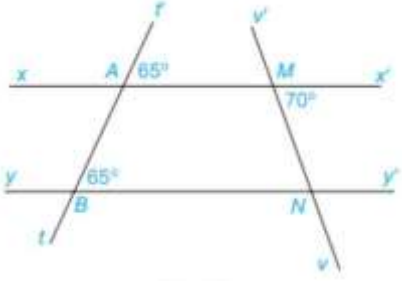

Câu 19: *(1,0 điểm)* Hãy so sánh A và B, biết:

$A=\frac{10^{2021}+1}{10^{2022}+1}$ và $B=\frac{10^{2022}+1}{10^{2023}+1}$

.....Hết.....

TRƯỜNG TH&THCS THẮNG LỢI
TỔ: TOÁN – KHTN
Họ tên:.....
Lớp:.....

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2024 - 2025
Môn: Toán - Lớp: 7
Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Đề I

(Đề này có 14 câu trắc nghiệm, 5 câu tự luận)

I. TRẮC NGHIỆM.(5,0điểm) *Thời gian: 45 phút*

Hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây(từ câu 1 đến câu 12) *(3,0 điểm).*

Câu 1. Cho hình 1, quan sát và chọn câu phát biểu đúng

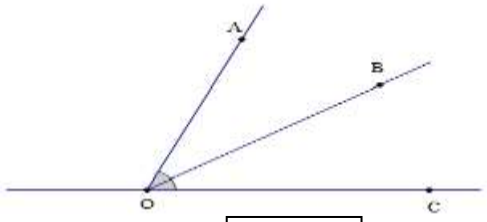

Hình 1

A. OC là tia phân giác của AOB
B. OB là tia phân giác của AOC
C. OA là tia phân giác của BOC
D. AOC là góc vuông.

Câu 2. Chứng minh định lí là
A. dùng hình vẽ để từ giả thiết suy ra kết luận.
B. dùng đo đạc thực tế để từ giả thiết suy ra kết luận.
C. dùng hình vẽ và đo đạc thực tế để từ giả thiết suy ra kết luận.
D. dùng lập luận để từ giả thiết suy ra kết luận.

Câu 3. Số đối của 6 là:
A. 5. **B.** -5. **C.** 6. **D.** -6.

Câu 4. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào **đúng** ?
A. Giá trị tuyệt đối của một số thực là một số dương
B. Hai số đối nhau có giá trị tuyệt đối khác nhau.
C. Giá trị tuyệt đối của một số thực là số đối của nó.
D. Giá trị tuyệt đối của một số thực là một số không âm.

Câu 5. Từ đẳng thức a.d = b.c ta có thể suy ra:
A. $\frac{d}{c}=\frac{b}{a}$. **B.** $\frac{a}{d}=\frac{b}{c}$. **C.** $\frac{c}{d}=\frac{b}{a}$. **D.** $\frac{c}{a}=\frac{b}{d}$.

Câu 6. Chọn câu **đúng**
A. Giả thiết của định lí là điều được suy ra.
B. Kết luận của định lí là điều cho biết.
C. Giả thiết của định lí là điều cho biết.
D. Giả thiết và kết luận của định lí là điều cho biết.

Câu 7. Tiên đề Euclid được phát biểu: "Qua một điểm M nằm ngoài đường thẳng a ...".
A. Có hai đường thẳng song song với a.
B. Có ít nhất một đường thẳng song song với a.
C. Có duy nhất một đường thẳng đi qua M và song song với a.
D. Có vô số đường thẳng song song với a.

Câu 8. Từ tỉ lệ thức $\frac{a}{b}=\frac{c}{d}$ ta **<u>không</u>** thể suy ra tỉ lệ thức nào?

A. $\frac{a}{c}=\frac{b}{d}$. **B.** $\frac{d}{b}=\frac{c}{a}$. **C.** $\frac{c}{a}=\frac{d}{b}$. **D.** $\frac{c}{a}=\frac{b}{d}$.

Câu 9. Cách viết nào sau đây cho ta dãy tỉ số bằng nhau?

A. $\frac{a}{b}-\frac{c}{d}-\frac{e}{g}$ **B.** $\frac{a}{b}+\frac{c}{d}+\frac{e}{g}$ **C.** $\frac{a}{b}.\frac{c}{d}.\frac{e}{g}$ **D.** $\frac{a}{b}=\frac{c}{d}=\frac{e}{g}$

Câu 10. Chọn đáp án **sai**. Từ tỉ lệ thức $\frac{5}{9}=\frac{35}{63}$ ta có tỉ lệ thức sau:

A. $\frac{35}{9}=\frac{63}{5}$ **B.** $\frac{63}{35}=\frac{9}{5}$ **C.** $\frac{63}{9}=\frac{35}{5}$ **D.** $\frac{5}{35}=\frac{9}{63}$

Câu 11. Số $\frac{2024}{-2025}$

A. là số hữu âm.

B. Không là số hữu tỉ.

C. Vừa là số hữu tỉ dương vừa là số hữu tỉ âm

D. không là số hữu tỉ dương cũng không là số hữu tỉ âm

Câu 12. Cho $|x|=10$ thì:

A. x= 10. **B.** x = 0 hoặc x = 10.

C. x = -10. **D.** x =10 hoặc x = -10.

Câu 13: ***(1,0 điểm)***.Cho hình 2. ***Hãy nối thông tin ở cột A với cột B sao cho phù hợp rồi điền kết quả vào cột C***

Cột A	Cột B	Cột C
1/ Góc A_1 và B_2 là hai góc	a/ đối đỉnh.	1…
2/ Góc A_1 và A_4 là hai góc	b/ hai góc kề bù.	2...
3/ Góc B_1 và A_2 là hai góc	c/ so le trong.	3...
4/ Góc B_3 và B_1 là hai góc	d/ đồng vị.	4...
	e/ góc đối nhau.	

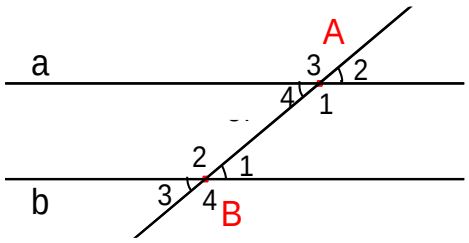

Hình 2

Câu 14. ***(1,0 điểm)***. **Chọn các cụm từ sau điền vào chỗ trống(...) để được khăng định đúng: (song song, nằm trong góc, tia đối, tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch)**

a) Nếu đại lượng y liên hệ với đại lượng x theo công thức $y=\frac{a}{x}$ hay xy = a (với a là một hằng số khác 0) thì ta nói y .....(1)..... với x theo hệ số tỉ lệ a.

b) Nếu y tỉ lệ thuận với x theo hệ số tỉ lệ k thì x .....(2)..... với y theo hệ số tỉ lệ $\frac{1}{k}$. Ta nói x và y là hai đại lượng tỉ lệ thuận với nhau.

c) Nếu đường thẳng c cắt hai đường thẳng a,b và trong các góc tạo thành có một cặp góc đồng vị bằng nhau thì a, b .....(3)..... với nhau.

d) Tia phân giác của một góc là tia .....(4)..... và tạo với hai cạnh của góc đó hai góc bằng nhau.

.....Hết.....

TRƯỜNG TH&THCS THẮNG LỢI
TỔ: TOÁN – KHTN
Họ tên:.....
Lớp:.....

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2024 - 2025
Môn: Toán - Lớp: 7
Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)
Đề II

(Đề này có 14 câu trắc nghiệm, 5 câu tự luận)

I. TRẮC NGHIỆM.(5,0điểm) *Thời gian: 45 phút*

Hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây(từ câu 1 đến câu 12) *(3,0 điểm).*

Câu 1. Cách viết nào sau đây cho ta dãy tỉ số bằng nhau?

A. $\frac{a}{b}-\frac{c}{d}-\frac{e}{g}$ **B.** $\frac{a}{b}=\frac{c}{d}=\frac{e}{g}$ **C.** $\frac{a}{b}+\frac{c}{d}+\frac{e}{g}$ **D.** $\frac{a}{b}.\frac{c}{d}.\frac{e}{g}$

Câu 2. Cho hình 1, quan sát và chọn câu phát biểu đúng:

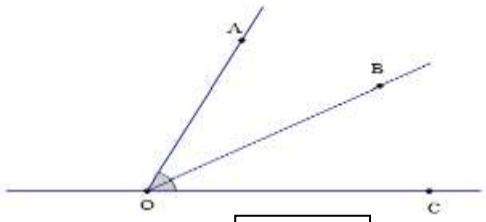

Hình 1

A. OA là tia phân giác của BOC **B.** AOC là góc vuông.

C. OC là tia phân giác của AOB **D.** OB là tia phân giác của AOC

Câu 3. Số $\frac{2024}{-2025}$

A. Không là số hữu tỉ.
B. là số hữu âm.
C. Vừa là số hữu tỉ dương vừa là số hữu tỉ âm
D. không là số hữu tỉ dương cũng không là số hữu tỉ âm

Câu 4. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng ?
A. Hai số đối nhau có giá trị tuyệt đối khác nhau.
B. Giá trị tuyệt đối của một số thực là một số dương
C. Giá trị tuyệt đối của một số thực là số đối của nó.
D. Giá trị tuyệt đối của một số thực là một số không âm.

Câu 5. Từ đẳng thức a.d = b.c ta có thể suy ra:

A. $\frac{d}{c}=\frac{b}{a}$. **B.** $\frac{c}{a}=\frac{b}{d}$. **C.** $\frac{c}{d}=\frac{b}{a}$. **D.** $\frac{a}{d}=\frac{b}{c}$.

Câu 6. Số đối của 6 là:

A. 5. **B.** 6. **C.** -5. **D.** -6.

Câu 7. Chứng minh định lí là
A. dùng đo đạc thực tế để từ giả thiết suy ra kết luận.
B. dùng hình vẽ và đo đạc thực tế để từ giả thiết suy ra kết luận.
C. dùng lập luận để từ giả thiết suy ra kết luận.
D. dùng hình vẽ để từ giả thiết suy ra kết luận.

Câu 8. Tiên đề Euclid được phát biểu: "Qua một điểm M nằm ngoài đường thẳng a ...".
A. Có hai đường thẳng song song với a.
B. Có ít nhất một đường thẳng song song với a.
C. Có duy nhất một đường thẳng đi qua M và song song với a.

D. Có vô số đường thẳng song song với a.

Câu 9. Từ tỉ lệ thức $\frac{a}{b}=\frac{c}{d}$ ta **không** thể suy ra tỉ lệ thức nào?

A. $\frac{a}{c}=\frac{b}{d}$. **B.** $\frac{c}{a}=\frac{d}{b}$. **C.** $\frac{c}{a}=\frac{b}{d}$. **D.** $\frac{d}{b}=\frac{c}{a}$.

Câu 10. Chọn đáp án **sai**. Từ tỉ lệ thức $\frac{5}{9}=\frac{35}{63}$ ta có tỉ lệ thức sau:

A. $\frac{63}{35}=\frac{9}{5}$ **B.** $\frac{63}{9}=\frac{35}{5}$ **C.** $\frac{5}{35}=\frac{9}{63}$ **D.** $\frac{35}{9}=\frac{63}{5}$

Câu 11. Cho $|x|=10$ thì:

A. x = -10. **B.** x= 10.
C. x =10 hoặc x = -10. **D.** x = 0 hoặc x = 10.

Câu 12. Chọn câu đúng

A. Giả thiết và kết luận của định lí là điều cho biết.
B. Kết luận của định lí là điều cho biết.
C. Giả thiết của định lí là điều được suy ra.
D. Giả thiết của định lí là điều cho biết.

Câu 13.*(1,0 điểm).* Chọn các cụm từ sau điền vào chỗ trống(...) để được khẳng định đúng: (song song, nằm trong góc, tia đối, tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch)

a) Nếu đại lượng y liên hệ với đại lượng x theo công thức $y=\frac{a}{x}$ hay xy = a (với a là một hằng số khác 0) thì ta nói y .....(1)..... với x theo hệ số tỉ lệ a.

b) Nếu y tỉ lệ thuận với x theo hệ số tỉ lệ k thì x .....(2)..... với y theo hệ số tỉ lệ $\frac{1}{k}$. Ta nói x và y là hai đại lượng tỉ lệ thuận với nhau.

c) Nếu đường thẳng c cắt hai đường thẳng a,b và trong các góc tạo thành có một cặp góc đồng vị bằng nhau thì a, b .....(3)..... với nhau.

d) Tia phân giác của một góc là tia .....(4)..... và tạo với hai cạnh của góc đó hai góc bằng nhau.

Câu 14: *(1,0 điểm)*.Cho hình 2. ***Hãy nối thông tin ở cột A với cột B sao cho phù hợp rồi điền kết quả vào cột C***

Cột A	Cột B	Cột C
1/ Góc A_1 và B_2 là hai góc	a/ đối đỉnh.	1…
2/ Góc A_1 và A_4 là hai góc	b/ hai góc kề bù.	2...
3/ Góc B_1 và A_2 là hai góc	c/ so le trong.	3...
4/ Góc B_3 và B_1 là hai góc	d/ đồng vị.	4...
	e/ góc đối nhau.	

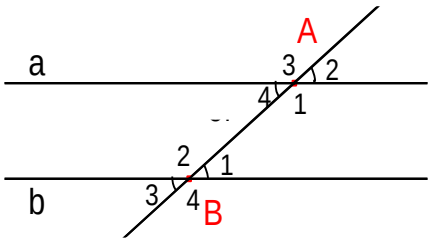

Hình 2

.....Hết.....

TRƯỜNG TH&THCS THẮNG LỢI
TỔ: TOÁN – KHTN
Họ tên:.....
Lớp:.....

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2024 - 2025
Môn: Toán - Lớp: 7
Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Đề III

(Đề này có 14 câu trắc nghiệm, 5 câu tự luận)

I. TRẮC NGHIỆM.(5,0điểm) *Thời gian: 45 phút*

Hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây(từ câu 1 đến câu 12) *(3,0 điểm).*

Câu 1. Số đối của 6 là:

A. -5. **B.** -6. **C.** 6. **D.** 5.

Câu 2. Tiên đề Euclid được phát biểu: "Qua một điểm M nằm ngoài đường thẳng a ...".

A. Có hai đường thẳng song song với a.

B. Có vô số đường thẳng song song với a.

C. Có duy nhất một đường thẳng đi qua M và song song với a.

D. Có ít nhất một đường thẳng song song với a.

Câu 3. Cho hình 1, quan sát và chọn câu phát biểu đúng**:**

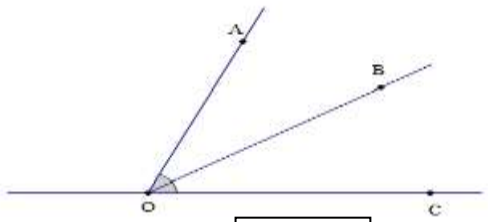

Hình 1

A. OC là tia phân giác của AOB **B.** OA là tia phân giác của BOC

C. AOC là góc vuông. **D.** OB là tia phân giác của AOC

Câu 4. Từ tỉ lệ thức $\frac{a}{b}=\frac{c}{d}$ ta **không** thể suy ra tỉ lệ thức nào?

A. $\frac{c}{a}=\frac{b}{d}$. **B.** $\frac{d}{b}=\frac{c}{a}$. **C.** $\frac{c}{a}=\frac{d}{b}$. **D.** $\frac{a}{c}=\frac{b}{d}$.

Câu 5. Chọn đáp án **sai**. Từ tỉ lệ thức $\frac{5}{9}=\frac{35}{63}$ ta có tỉ lệ thức sau:

A. $\frac{35}{9}=\frac{63}{5}$ **B.** $\frac{5}{35}=\frac{9}{63}$ **C.** $\frac{63}{9}=\frac{35}{5}$ **D.** $\frac{63}{35}=\frac{9}{5}$

Câu 6. Cách viết nào sau đây cho ta dãy tỉ số bằng nhau?

A. $\frac{a}{b}-\frac{c}{d}-\frac{e}{g}$ **B.** $\frac{a}{b}=\frac{c}{d}=\frac{e}{g}$ **C.** $\frac{a}{b}+\frac{c}{d}+\frac{e}{g}$ **D.** $\frac{a}{b}.\frac{c}{d}.\frac{e}{g}$

Câu 7. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào **đúng** ?

A. Giá trị tuyệt đối của một số thực là một số dương

B. Hai số đối nhau có giá trị tuyệt đối khác nhau.

C. Giá trị tuyệt đối của một số thực là số đối của nó.

D. Giá trị tuyệt đối của một số thực là một số không âm.

Câu 8. Từ đẳng thức a.d = b.c ta có thể suy ra:

A. $\frac{c}{d}=\frac{b}{a}$. **B.** $\frac{c}{a}=\frac{b}{d}$. **C.** $\frac{a}{d}=\frac{b}{c}$. **D.** $\frac{d}{c}=\frac{b}{a}$.

Câu 9. Số $\frac{2024}{-2025}$

A. là số hữu âm.

B. Không là số hữu tỉ.

C. không là số hữu tỉ dương cũng không là số hữu tỉ âm

D. Vừa là số hữu tỉ dương vừa là số hữu tỉ âm

Câu 10. Chứng minh định lí là

A. dùng hình vẽ để từ giả thiết suy ra kết luận.

B. dùng lập luận để từ giả thiết suy ra kết luận.

C. dùng hình vẽ và đo đạc thực tế để từ giả thiết suy ra kết luận.

D. dùng đo đạc thực tế để từ giả thiết suy ra kết luận.

Câu 11. Cho $|x|=10$ thì:

A. x = 0 hoặc x = 10. **B.** x =10 hoặc x = -10.

C. x = -10. **D.** x= 10.

Câu 12. Chọn câu **đúng**

A. Giả thiết của định lí là điều cho biết.

B. Giả thiết và kết luận của định lí là điều cho biết.

C. Kết luận của định lí là điều cho biết.

D. Giả thiết của định lí là điều được suy ra.

Câu 13. ***(1,0 điểm).*** **Chọn các cụm từ sau điền vào chỗ trống(...) để được khẳng định đúng: (song song, nằm trong góc, tia đối, tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch)**

a) Nếu y tỉ lệ thuận với x theo hệ số tỉ lệ k thì x .....(1)..... với y theo hệ số tỉ lệ $\frac{1}{k}$. Ta nói x và y là hai đại lượng tỉ lệ thuận với nhau.

b) Nếu đường thẳng c cắt hai đường thẳng a,b và trong các góc tạo thành có một cặp góc đồng vị bằng nhau thì a, b .....(2)..... với nhau.

c) Nếu đại lượng y liên hệ với đại lượng x theo công thức y = $\frac{a}{x}$ hay xy = a (với a là một hằng số khác 0) thì ta nói y .....(3)..... với x theo hệ số tỉ lệ a.

d) Tia phân giác của một góc là tia .....(4)..... và tạo với hai cạnh của góc đó hai góc bằng nhau.

Câu 14: ***(1,0 điểm).***Cho hình 2. ***Hãy nối thông tin ở cột A với cột B sao cho phù hợp rồi điền kết quả vào cột C***

Cột A	Cột B	Cột C
1/ Góc B_1 và A_2 là hai góc	a/ đối đỉnh.	1…
2/ Góc A_1 và A_4 là hai góc	b/ hai góc kề bù.	2...
3/ Góc B_3 và B_1 là hai góc	c/ so le trong.	3...
4/ Góc A_1 và B_2 là hai góc	d/ đồng vị.	4...
	e/ góc đối nhau.	

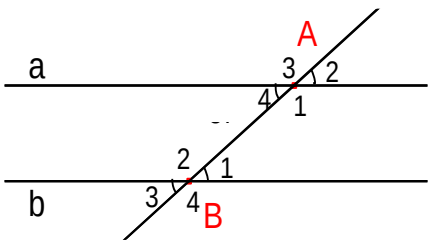

Hình 2

.....Hết.....

TRƯỜNG TH&THCS THẮNG LỢI
TỔ: TOÁN – KHTN
Họ tên:.....
Lớp:.....

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2024 - 2025
Môn: Toán - Lớp: 7
Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Đề IV

(Đề này có 14 câu trắc nghiệm, 5 câu tự luận)

I. TRẮC NGHIỆM.(5,0điểm) *Thời gian: 45 phút*

Hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây(từ câu 1 đến câu 12) *(3,0 điểm).*

Câu 1. Số đối của 6 là:

A. 5. **B.** 6. **C.** -5. **D.** -6.

Câu 2. Từ đẳng thức a.d = b.c ta có thể suy ra:

A. $\frac{c}{a}=\frac{b}{d}$. **B.** $\frac{c}{d}=\frac{b}{a}$. **C.** $\frac{d}{c}=\frac{b}{a}$. **D.** $\frac{a}{d}=\frac{b}{c}$.

Câu 3. Chọn câu **đúng**

A. Giả thiết của định lí là điều cho biết.
B. Giả thiết của định lí là điều được suy ra.
C. Giả thiết và kết luận của định lí là điều cho biết.
D. Kết luận của định lí là điều cho biết.

Câu 4. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào **đúng** ?

A. Giá trị tuyệt đối của một số thực là số đối của nó.
B. Giá trị tuyệt đối của một số thực là một số dương
C. Hai số đối nhau có giá trị tuyệt đối khác nhau.
D. Giá trị tuyệt đối của một số thực là một số không âm.

Câu 5. Chọn đáp án **sai**. Từ tỉ lệ thức $\frac{5}{9}=\frac{35}{63}$ ta có tỉ lệ thức sau:

A. $\frac{63}{9}=\frac{35}{5}$ **B.** $\frac{35}{9}=\frac{63}{5}$ **C.** $\frac{63}{35}=\frac{9}{5}$ **D.** $\frac{5}{35}=\frac{9}{63}$

Câu 6. Cách viết nào sau đây cho ta dãy tỉ số bằng nhau?

A. $\frac{a}{b}+\frac{c}{d}+\frac{e}{g}$ **B.** $\frac{a}{b}-\frac{c}{d}-\frac{e}{g}$ **C.** $\frac{a}{b}.\frac{c}{d}.\frac{e}{g}$ **D.** $\frac{a}{b}=\frac{c}{d}=\frac{e}{g}$

Câu 7. Tiên đề Euclid được phát biểu: "Qua một điểm M nằm ngoài đường thẳng a ...".

A. Có duy nhất một đường thẳng đi qua M và song song với a.
B. Có vô số đường thẳng song song với a.
C. Có hai đường thẳng song song với a.
D. Có ít nhất một đường thẳng song song với a.

Câu 8. Số $\frac{2024}{-2025}$

A. Vừa là số hữu tỉ dương vừa là số hữu tỉ âm
B. Không là số hữu tỉ.
C. là số hữu âm.
D. không là số hữu tỉ dương cũng không là số hữu tỉ âm

Câu 9. Cho $|x|=10$ thì:

A. x =10 hoặc x = -10. **B.** x= 10. **C.** x = 0 hoặc x = 10. **D.** x = -10.

Câu 10. Cho hình 1, quan sát và chọn câu phát biểu đúng**:**

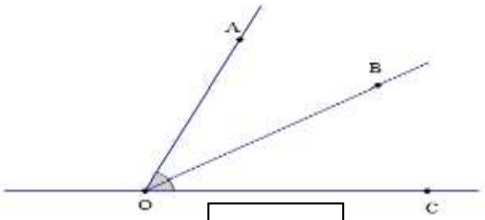

Hình 1

A. OA là tia phân giác của BOC **B.** AOC là góc vuông.

C. OB là tia phân giác của AOC **D.** OC là tia phân giác của AOB

Câu 11. Từ tỉ lệ thức $\frac{a}{b}=\frac{c}{d}$ ta ***không*** thể suy ra tỉ lệ thức nào?

A. $\frac{d}{b}=\frac{c}{a}$. **B.** $\frac{c}{a}=\frac{d}{b}$. **C.** $\frac{a}{c}=\frac{b}{d}$. **D.** $\frac{c}{a}=\frac{b}{d}$.

Câu 12. Chứng minh định lí là

A. dùng hình vẽ và đo đạc thực tế để từ giả thiết suy ra kết luận.

B. dùng lập luận để từ giả thiết suy ra kết luận.

C. dùng đo đạc thực tế để từ giả thiết suy ra kết luận.

D. dùng hình vẽ để từ giả thiết suy ra kết luận.

Câu 13. ***(1,0 điểm).*** **Chọn các cụm từ sau điền vào chỗ trống(...) để được khẳng định đúng: (song song, nằm trong góc, tia đối, tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch)**

a) Nếu đại lượng y liên hệ với đại lượng x theo công thức $y=\frac{a}{x}$ hay xy = a (với a là một hằng số khác 0) thì ta nói y .....(1)..... với x theo hệ số tỉ lệ a.

b) Tia phân giác của một góc là tia .....(2)..... và tạo với hai cạnh của góc đó hai góc bằng nhau.

c) Nếu y tỉ lệ thuận với x theo hệ số tỉ lệ k thì x .....(3)..... với y theo hệ số tỉ lệ $\frac{1}{k}$. Ta nói x và y là hai đại lượng tỉ lệ thuận với nhau.

d) Nếu đường thẳng c cắt hai đường thẳng a,b và trong các góc tạo thành có một cặp góc đồng vị bằng nhau thì a, b .....(4)..... với nhau.

Câu 14: ***(1,0 điểm).***Cho hình 2. ***Hãy nối thông tin ở cột A với cột B sao cho phù hợp rồi điền kết quả vào cột C***

Cột A	Cột B	Cột C
1/ Góc B_1 và A_2 là hai góc	a/ so le trong.	1…
2/ Góc A_1 và A_4 là hai góc	b/ đồng vị.	2...
3/ Góc B_3 và B_1 là hai góc	c/ góc đối nhau.	3...
4/ Góc A_1 và B_2 là hai góc	d/ hai góc kề bù.	4...
	e/ đối đỉnh.	

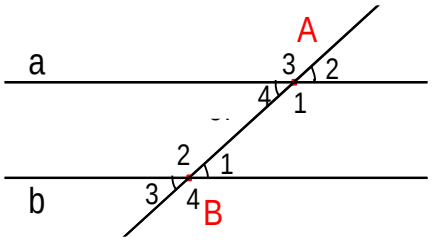

Hình 2

..... Hết.....

TRƯỜNG TH&THCS THẮNG LỢI
TỔ: TOÁN – KHTN
Họ tên:.....
Lớp:.....

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2024 - 2025
Môn: Toán - Lớp: 7
Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

II. TỰ LUẬN *(5,0 điểm)*.(Thời gian làm bài 45 phút)

Câu 15: (1,5 điểm). Ba lớp 7A; 7B, 7C đi trồng cây. Biết số cây ba lớp trồng được tỉ lệ với các số 3 ; 4 ; 5 và tổng số cây cả ba lớp trồng là 60 cây. Tính số cây trồng được của mỗi lớp.

Câu 16: (0,5 điểm). Thực hiện các phép tính sau $\frac{3}{8}+2^3-\frac{3}{8}$

Câu 17: *(1,0 điểm)* Một hộp quà có dạng hình lăng trụ đứng tam giác, đáy là tam giác vuôngvới kích thước của hai cạnh góc vuông là 10cm; 5cm. Chiều cao của hình lăng trụ đứng tam giác là 7cm. Em hãy tính thể tích của hộp quà

Câu 18: (1,0 điểm)

Cho hình vẽ bên.

a. giải thích tại sao $xx'//yy'$.

b. Tính số đo các góc AMN và MNB.

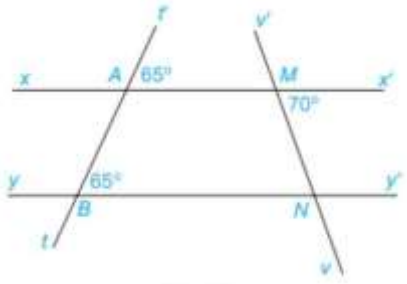

Câu 19: *(1,0 điểm)* Hãy so sánh A và B, biết:

$A=\frac{10^{2021}+1}{10^{2022}+1}$ và $B=\frac{10^{2022}+1}{10^{2023}+1}$

..... Hết.....

TRƯỜNG TH&THCS THẮNG LỢI
TỔ: TOÁN – KHTN
Họ tên:.....
Lớp:.....

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2024 - 2025
Môn: Toán - Lớp: 7
Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

II. TỰ LUẬN *(5,0 điểm)*.(Thời gian làm bài 45 phút)

Câu 15:(1,5 điểm). Ba lớp 7A; 7B, 7C đi trồng cây. Biết số cây ba lớp trồng được tỉ lệ với các số 3 ; 4 ; 5 và tổng số cây cả ba lớp trồng là 60 cây. Tính số cây trồng được của mỗi lớp.

Câu 16: (0,5 điểm). Thực hiện các phép tính sau $\frac{3}{8}+2^3-\frac{3}{8}$

Câu 17:*(1,0 điểm)* Một hộp quà có dạng hình lăng trụ đứng tam giác, đáy là tam giác vuôngvới kích thước của hai cạnh góc vuông là 10cm; 5cm. Chiều cao của hình lăng trụ đứng tam giác là 7cm. Em hãy tính thể tích của hộp quà

Câu 18: (1,0 điểm)

Cho hình vẽ bên.

a. giải thích tại sao $xx'//yy'$.

b. Tính số đo các góc AMN và MNB.

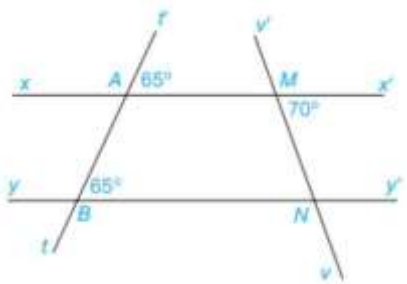

Câu 19: *(1,0 điểm)* Hãy so sánh A và B, biết:

$A=\frac{10^{2021}+1}{10^{2022}+1}$ và $B=\frac{10^{2022}+1}{10^{2023}+1}$

..... Hết.....

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KÌ I

MÔN TOÁN - LỚP: 7 - NĂM HỌC 2024- 2025

I.TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Đề gốc

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13				14			
Đáp án	B	A	D	D	D	B	A	C	A	B	B	B	1-c	2-b	3-d	4-a	a) tỉ lệ nghịch	b) tỉ lệ thuận	c) song song	d) nằm trong góc

Đề I

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13				14			
Đáp án	B	D	D	D	A	C	C	D	D	A	A	D	1-c	2-b	3-d	4-a	a) tỉ lệ nghịch	b) tỉ lệ thuận	c) song song	d) nằm trong góc

Đề II

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13				14			
Đáp án	B	D	B	D	A	D	C	C	C	D	C	D	a) tỉ lệ nghịch	b) tỉ lệ thuận	c) song song	d) nằm trong góc	1-c	2-b	3-d	4-a

Đề III

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13				14			
Đáp án	B	C	D	A	A	B	D	D	A	B	B	A	a) tỉ lệ thuận	b) song song	c) tỉ lệ nghịch	d) nằm trong góc	1-d	2-b	3-a	4-c

Đề IV

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13				14			
Đáp án	D	C	A	D	B	D	A	C	A	C	D	B	a) tỉ lệ nghịch	b) nằm trong góc	c) tỉ lệ thuận	d) song song	1 - b	2-d;	3-e;	4-a

II. TỰ LUẬN: *(5,0 điểm)*

Câu	**Đáp án**	**Điểm**
Câu 15: (1,5	Gọi số cây trồng của ba lớp 7A, 7B , 7C lần lượt là x(cây), y(cây), z(cây). (Điều kiện x, y , z nguyên dương)	**0,25**
	Theo đề bài, số cây ba lớp trồng được tỉ lệ với các số 3 : 4 : 5 và tổng số cây	**0,5**

điểm).	cả ba lớp trồng là 60 cây, ta có: $\frac{x}{3}=\frac{y}{4}=\frac{z}{5}$ và $x+y+z=60$	
	Áp dụng tính chất của dãy tỉ số bằng nhau, ta có: $\frac{x}{3}=\frac{y}{4}=\frac{z}{5}=\frac{x+y+z}{3+4+5}=\frac{60}{12}=5$	**0,25**
	Suy ra: x = 3.5 = 15(cây); y = 4.5 = 20(cây); z = 5.5 = 25(cây)	**0,25**
	Vậy số cây trồng của ba lớp 7A, 7B, 7C lần lượt là: 15(cây), 20(cây), 25(cây)	**0,25**
Câu 16: (0,5 điểm).	$\frac{3}{8}+2^3-\frac{3}{8}=\left(\frac{3}{8}-\frac{3}{8}\right)+2^3$	**0,25**
	= 0 + 8 = 8	**0,25**
Câu 17: (1,0 điểm).	Đáy của hình lăng trụ đứng tam giác là hình tam giác vuông, nên ta có diện tích đáy là: S = (10 . 5) : 2 = 25 (cm^2)	**0,5**
	Thể tích hình lăng trụ đứng tam giác là: V = 25 . 7 = 175 (cm^3)	**0,5**
Câu 18: (1,0 điểm).	a) ta có $t'Ax'=t'By=65^0$ mà hai góc này ở vị trí đồng vị nên xx'//yy'	**0,5**
	b) ta có $x'Mv=MNB$ (so le trong do xx'//yy') Mà $x'Mv=70^0$ nên $MNB=70^0$	**0,25**
	Ta có $AMN+x'MN=180^0$ (hai góc kề bù) $AMN=180^0-x'MN=180^0-70^0=110^0$	**0,25**
Câu 19: (1,0 điểm).	Vì $A=\frac{10^{2021}+1}{10^{2022}+1}$ nên $10A=\frac{10^{2022}+10}{10^{2022}+1}=\frac{10^{2022}+1+9}{10^{2022}+1}=1+\frac{9}{10^{2022}+1}$	**0,25**
	Vì $B=\frac{10^{2022}+1}{10^{2023}+1}$ Nên $10B=\frac{10^{2023}+10}{10^{2023}+1}=\frac{10^{2023}+1+9}{10^{2023}+1}=1+\frac{9}{10^{2023}+1}$	**0,25**
	Vì $\frac{9}{10^{2022}+1}>\frac{9}{10^{2023}+1}$ nên $1+\frac{9}{10^{2022}+1}>1+\frac{9}{10^{2023}+1}$	**0,25**
	Hay 10A > 10B. vậy A > B	**0,25**

Lưu ý: Học sinh làm cách khác, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.

KonTum, ngày 12/12/2024

Duyệt của Hiệu trưởng | **Duyệt tổ phó CM** | **Giáo viên ra đề**

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Cung Thị Phương Lan

Đào Thị Minh Tuyền

Nguyễn Thị Liên Hồng

Giáo viên phản biện đề

Phan Duy Nguyên